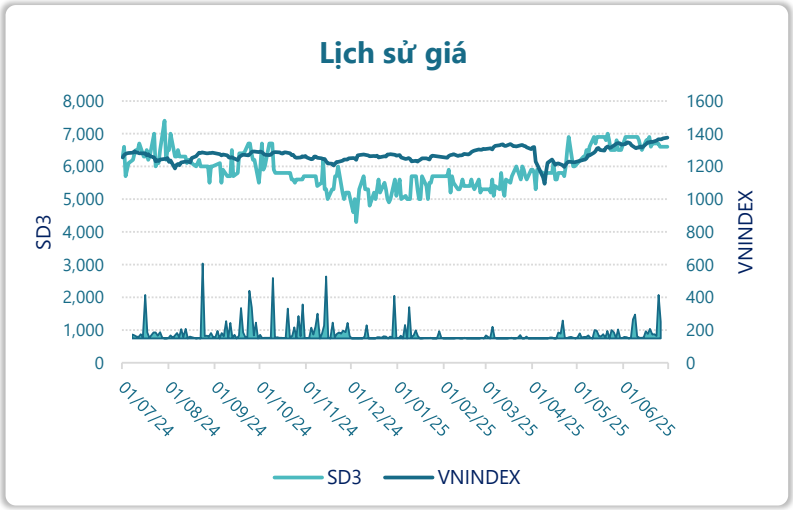
FireAnt

CTCP Sông Đà 3 (UPCOM: SD3)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,300
SL cổ phiếu LH	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,930
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
P/E	3.3
EPS	2,027

DT thuần

Q2/25

46.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.50| -8.8%

YoY: ▲ 14.3| 44.3%

LN sau thuế

Q2/25

-7.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.6| -143%

YoY: ▲ 23.7| 76.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

25.2%

+/- YoY: ▲ 56.7%

DT thuần

6T 2025

97.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.1| 36.5%

LN sau thuế

6T 2025

9.82

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.9| 145%

ROE

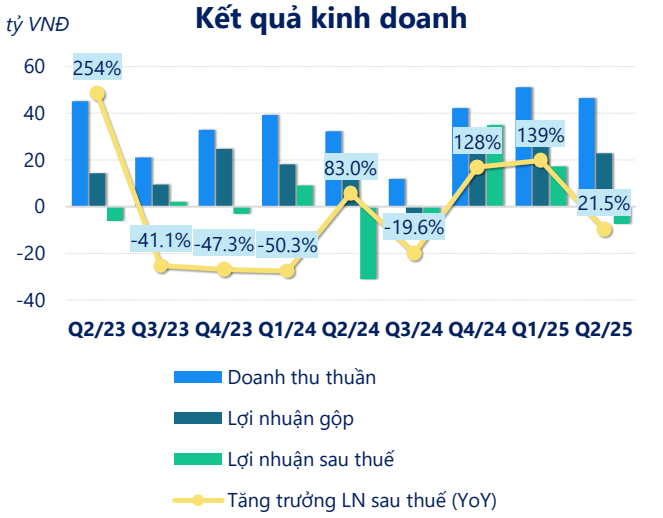
Q2/25

68.6%

+/- YoY: ▲ 116%

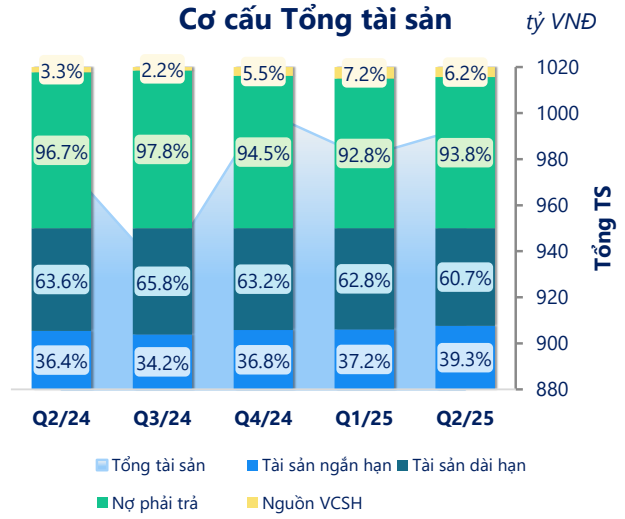
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



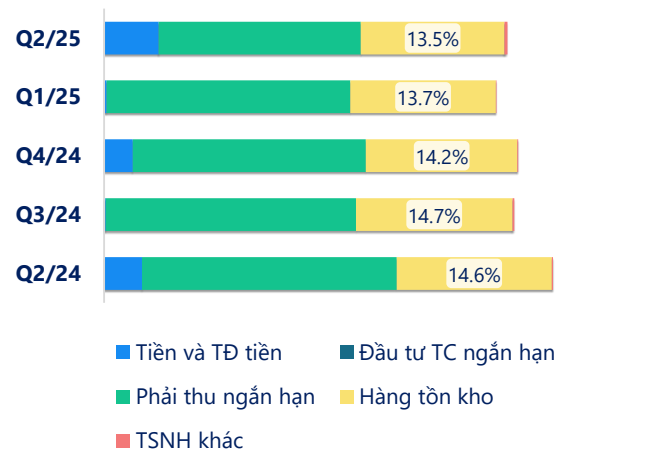
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



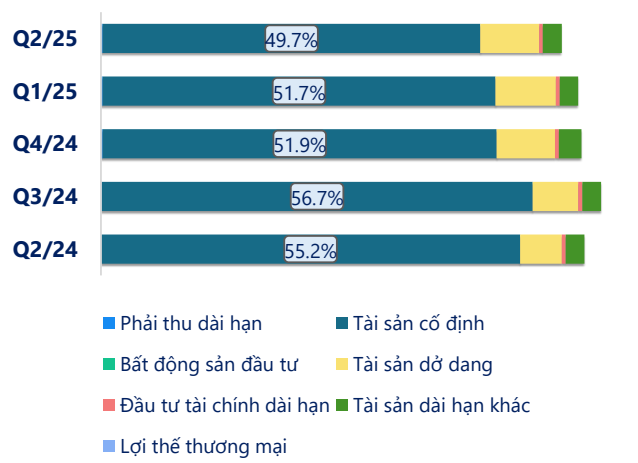
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



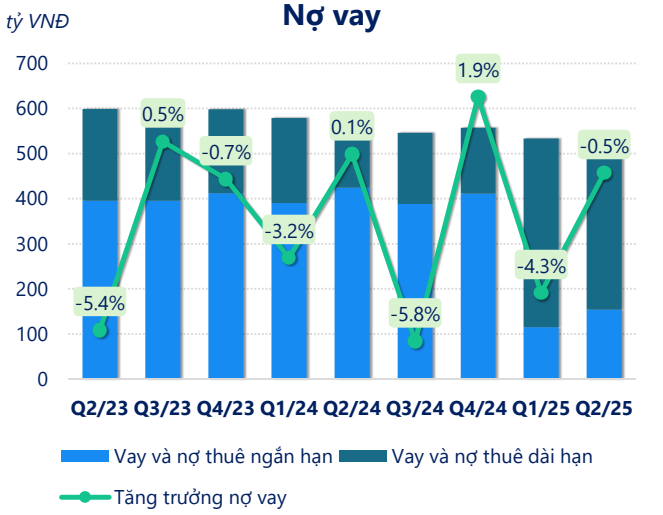
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



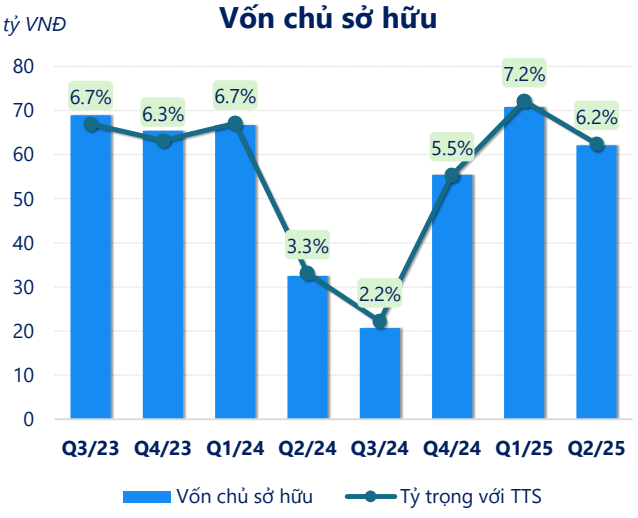
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



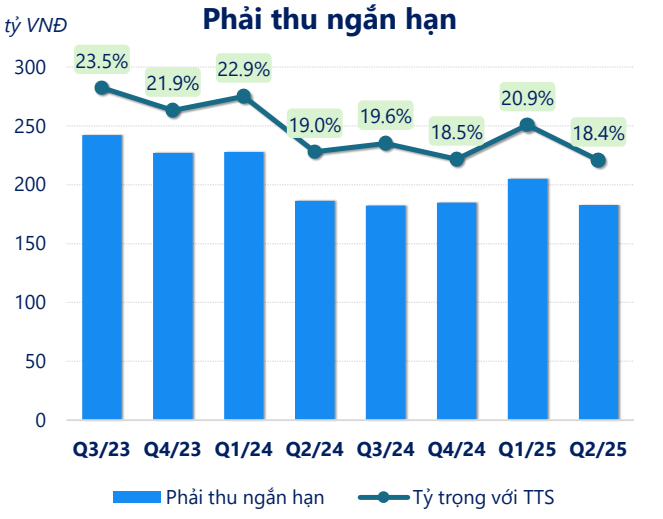
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



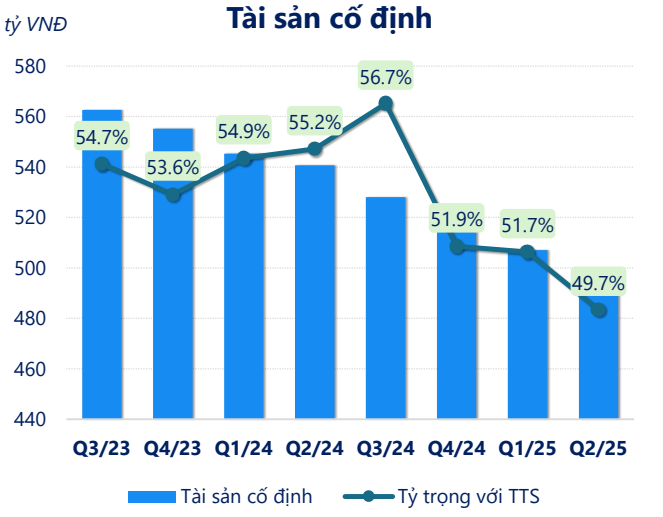
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



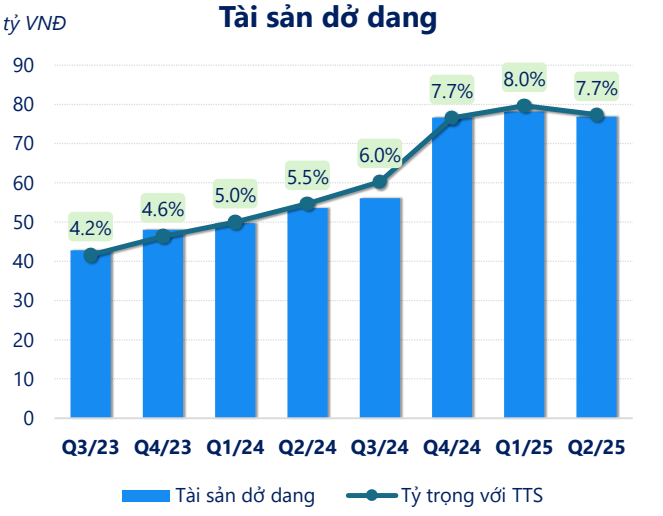
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



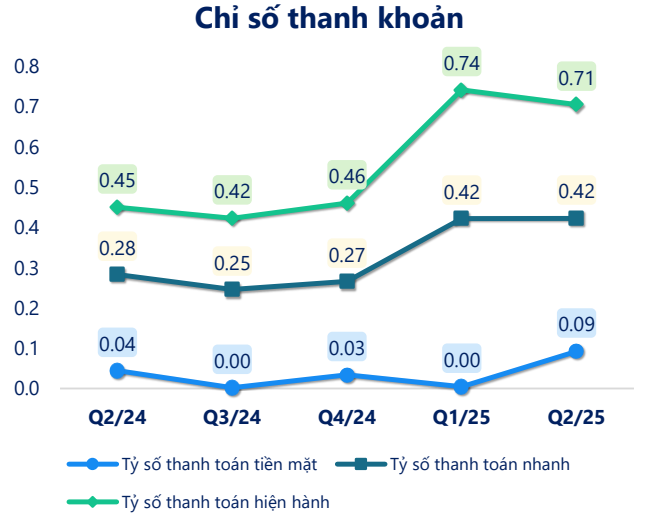
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



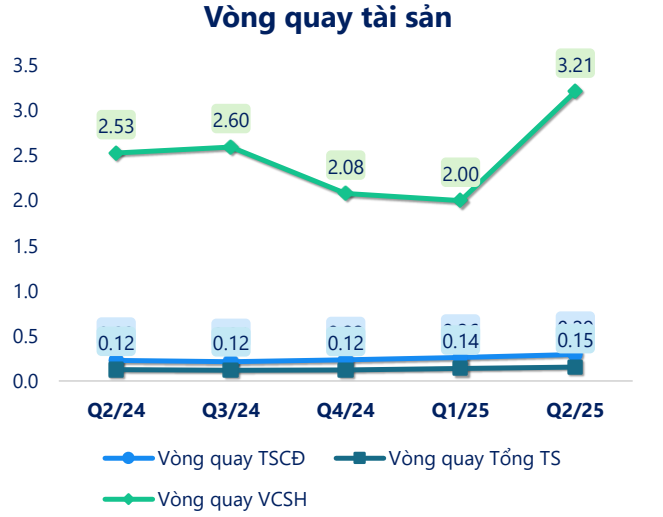
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**980**	**931**	**1,001**	**981**	**994**
Tài sản ngắn hạn	**356**	**318**	**368**	**365**	**391**
Tiền và tương đương tiền	35.0	1.49	27.0	2.32	51.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	186	182	185	205	183
Hàng tồn kho	132	133	155	157	157
Tài sản ngắn hạn khác	2.77	1.18	0.58	0.41	0.19
Tài sản dài hạn	**624**	**613**	**633**	**616**	**603**
Phải thu dài hạn	0	0.78	2.25	2.25	2.25
Tài sản cố định	541	528	519	507	494
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	53.6	56.1	76.6	78.2	76.9
Đầu tư tài chính dài hạn	5.01	5.01	4.96	4.96	4.83
Tài sản dài hạn khác	24.3	22.9	29.9	23.9	24.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**947**	**910**	**945**	**910**	**932**
Nợ ngắn hạn	**792**	**752**	**799**	**492**	**554**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	425	388	411	115	154
Phải trả người bán ngắn hạn	114	109	120	105	129
Nợ dài hạn	156	158	146	419	378
Vay và nợ thuê dài hạn	155	158	146	418	377
Nguồn vốn chủ sở hữu	**32.5**	**20.7**	**55.4**	**70.8**	**62.1**
Vốn chủ sở hữu	**32.5**	**20.7**	**55.4**	**70.8**	**62.1**
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)